

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỬ NHÂN LUẬT TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 66-NQ/TW, NGHỊ QUYẾT 71-NQ/TW VÀ LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NĂM 2025

Võ Thị Khánh Mỹ¹, Thái Thị Tuyết Dung¹, Nguyễn Thị Thúy An¹
Email: vtkmy@vnuhcm.edu.vn, ORCID: 0009-0006-5693-0129

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/01/2026. Ngày phản biện đánh giá: 03/07/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/07/2026.

DOI: 10.59266/houjs.2026.1374

Tóm tắt: Quá trình đổi mới thể chế đang đặt ra những đòi hỏi ngày càng cao đối với hoạt động lập pháp và thi hành pháp luật, từ đó làm nổi bật tính cấp thiết của việc xây dựng đội ngũ nhân lực pháp lý có trình độ chuyên sâu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chương trình đào tạo cử nhân luật hiện nay vẫn tồn tại một số hạn chế đáng kể, nhất là trong việc đảm bảo người học đạt được các yêu cầu về khả năng lập luận phản biện cũng như kỹ năng xử lý tình huống pháp lý. Lấy nền tảng định hướng từ Nghị quyết 66-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo cùng với Luật Giáo dục đại học năm 2025, nghiên cứu này đánh giá thực tiễn đào tạo, đồng thời rà soát và tổng hợp các quy phạm liên quan. Trên cơ sở những phân tích, tác giả đưa ra nhóm giải pháp có tính liên kết nhằm nâng tầm chất lượng đào tạo luật bậc đại học, góp phần hiện thực hóa định hướng phát triển nguồn nhân lực chủ chốt phục vụ giai đoạn chuyển đổi của đất nước.

Từ khóa: đào tạo luật, Luật Giáo dục đại học 2025, nâng cao chất lượng, Nghị quyết 66-NQ/TW, Nghị quyết 71-NQ/TW

I. Đặt vấn đề

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền, nguồn nhân lực ngành luật luôn giữ vị trí cốt lõi. Hiện nay, công tác đào tạo cử nhân luật đang đối mặt với sức ép chuyển đổi mạnh mẽ từ hai động lực lớn: định hướng cải cách thể chế thông qua Nghị quyết 66-NQ/TW, Nghị quyết 71-NQ/TW, Luật Giáo dục đại học năm

2025 và sự phát triển của công nghệ số. Bối cảnh này đòi hỏi cán bộ pháp lý phải được trang bị tư duy đổi mới và đạt chuẩn chất lượng vượt trội. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật là nhiệm vụ cấp thiết để tạo nguồn nhân lực đáp ứng các chuẩn mực mới trong giai đoạn chuyển đổi số của đất nước.

¹ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu khẳng định vai trò chiến lược cốt lõi của nhân lực pháp lý trong việc hoàn thiện Nhà nước pháp quyền. Khung tham chiếu chính sách bám sát yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo luật từ Nghị quyết 66-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/TW.

Về phương diện học thuật, nghiên cứu tiếp cận từ khung lý thuyết đảm bảo chất lượng trong giáo dục bậc đại học thông qua việc phân tích mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Quyết định 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học, Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/2/2024 của Bộ GDĐT ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học². Ngoài ra, nghiên cứu khai thác mô hình đào tạo xuyên ngành, trong đó chú trọng yêu cầu trang bị cho người học tri thức liên lĩnh vực cùng năng lực ứng dụng công nghệ ở mức cao. Hướng tiếp cận này được xem là giải pháp then chốt nhằm thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn, nơi sinh viên luật còn nhiều hạn chế về khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế lẫn năng lực phân tích, lập luận độc lập trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển của công nghệ pháp lý (LegalTech), trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát làm chủ đạo, nhóm tác giả thu thập dữ liệu trực tiếp từ cổng thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học và hệ thống quy định pháp luật liên quan. Tiếp đó, các dữ liệu này được xử lý thông qua phương pháp tổng hợp và phân tích chuyên sâu. Dựa trên kết quả phân tích, nghiên cứu này đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật. Toàn bộ quá trình nghiên cứu luôn bám sát bối cảnh thực tiễn và các mục tiêu chiến lược tại Nghị quyết 66-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/TW.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Quy định của pháp luật hiện hành, Luật Giáo dục đại học năm 2025 và chủ trương của Đảng

4.1.1. Về quan điểm, chủ trương của Đảng

Nghị quyết 66-NQ/TW đã đặt ra nhiệm vụ giải pháp quan trọng là “*Nâng cao chất lượng đào tạo luật, phát triển các cơ sở đào tạo luật trọng điểm có uy tín; kiên quyết chấm dứt hoạt động của các cơ sở đào tạo luật không bảo đảm tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định*”. Nghị quyết 71-NQ/TW xác định một trong những giải pháp để tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo đó là “*Tăng cường quản lý chất lượng*”.

² Hiện nay, Dự thảo Quy định chuẩn cơ sở giáo dục đại học ngày 01.7.2026 quy định điều kiện tiêu chuẩn cơ sở giáo dục đại học đào tạo lĩnh vực pháp luật (tại Phụ lục II) đã đưa các chỉ số đặc thù như: tỉ lệ học phần có hoạt động thực hành nghề luật trên 30%, tỉ lệ người học tham gia thực tập hoặc thực hành nghề luật là 100%, tỉ lệ giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn pháp luật trên 30%, tỉ lệ học phần có sử dụng án lệ, tình huống pháp lý hoặc dữ liệu thực tiễn trên 50%, tỉ lệ hợp tác với cơ quan tư pháp và tổ chức hàng nghề luật trên 70%; quy định này yêu cầu cao hơn so với trước đây (<https://moet.gov.vn/van-ban/gop-y-du-thao-van-ban-qtpl/du-thao-thong-tu-ban-hanh-chuan-co-so-giao-duc-dai-hoc.html>)

gắn với chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đào tạo tiến sĩ, đào tạo các ngành sư phạm, sức khỏe, pháp luật và các ngành trọng điểm.”

4.1.2. Về quy định pháp luật liên quan đến đào tạo cử nhân luật

Bên cạnh các quy định chung về đào tạo trình độ đại học thì đào tạo cử nhân luật có quy định đặc thù tại Quyết định 678/QĐ-BGDĐT. Điều 24, Điều 25 và Điều 36 Luật Giáo dục đại học năm 2025 cũng có một số quy định mới liên quan đến đào tạo ngành luật như sau: Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, quy định việc phê duyệt thực hiện chương trình đào tạo trên cơ sở phối hợp với Bộ Tư pháp, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật là đối tượng phải thực hiện kiểm định định kỳ. Các quy định này bước đầu đã tạo sự thay đổi lớn đối với các cơ sở đào tạo ngành luật, cụ thể Bộ GDĐT ban hành Quyết định số 1961/QĐ-BGDĐT vào ngày 07/07/2026 xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật năm 2026 khá cao góp phần nâng cao chất lượng sinh viên ngay từ khi tuyển sinh; đồng thời dự thảo Thông tư quy định về chuẩn cơ sở giáo dục đại học đã quy định các điều kiện chặt chẽ hơn.

4.2. Thực trạng đào tạo ngành luật tại các cơ sở giáo dục đại học

Hiện nay Việt Nam có hơn 90 cơ sở giáo dục đại học (ĐH) công lập và tư thực đào tạo ngành luật, có thể được phân thành ba nhóm: (1) nhóm chuyên đào tạo luật như Trường ĐH Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Luật, Đại học Huế;

(2) nhóm chủ yếu đào tạo luật: Trường ĐH Luật Hà Nội, Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh; (3) nhóm có đào tạo ngành luật trong đào tạo đa ngành như: ĐH Cần Thơ; Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; Trường ĐH Đà Lạt; Trường ĐH Văn Lang. Trong đó, các cơ sở chuyên đào tạo luật và chủ yếu đào tạo luật có quy mô tuyển sinh chính quy lớn, từ 1.000 chỉ tiêu trở lên mỗi năm, như năm 2025 Trường ĐH Luật Hà Nội tuyển 2.450 chỉ tiêu, Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh 2.150 chỉ tiêu (Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2025), Trường ĐH Luật thuộc ĐH Huế 1.400 chỉ tiêu (Trường Đại học Luật - Đại học Huế, 2025), Trường ĐH Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội 1.100 chỉ tiêu (Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025), còn các cơ sở giáo dục đại học đa ngành có đào tạo luật thì quy mô tuyển sinh ngành luật có sự khác nhau rất lớn như năm 2025 Trường ĐH An Giang 70 chỉ tiêu (Trường Đại học An Giang, n.d.), Trường ĐH Mở 300 chỉ tiêu (Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, n.d.), Trường ĐH Cần Thơ 540 chỉ tiêu, Trường ĐH Kinh tế - Luật 690 chỉ tiêu (Trường Đại học Kinh tế - Luật, 2024).

4.2.1. Đội ngũ giảng dạy

4.2.1.1 Quy mô đội ngũ giảng viên

Việc đội ngũ giảng viên tại các cơ sở đào tạo luật, nhóm tác giả đã khảo sát từ việc công khai thông tin của các đơn vị theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, vì vậy tính chính xác của số liệu tùy thuộc vào mức độ cập nhật của đơn vị.

Bảng 1. Số lượng giảng viên đào tạo luật có trình độ tiến sĩ tính đến tháng 12/2024

TT	Tên trường	Tổng số GV	Giáo sư (GS)	Phó Giáo sư (PGS)	Tiến sĩ (TS)
1	Trường ĐH Luật Hà Nội	330	2	31	113
2	Trường ĐH Luật (Đại học Huế)	223	0	6	40
3	Trường ĐH Luật TP.HCM	216	4	15	82
4	Trường ĐH Luật (ĐHQG Hà Nội)	103	6	25	49
5	Trường ĐH Kinh tế - Luật (ĐHQG TP.HCM)	61	0	5	17
6	Trường ĐH Hồng Bàng	27	2	0	12

Nguồn: Tổng hợp từ cổng thông tin điện tử và báo cáo thường niên của các cơ sở đào tạo (2024-2025¹)

Bảng khảo sát trên thể hiện khoảng cách về nguồn lực giảng dạy giữa các đơn vị có bề dày đào tạo luật so với những cơ sở mới triển khai đào tạo hoặc trường đa ngành có đào tạo luật còn khá lớn, có nguy cơ tạo ra sự thiếu nhất quán về chất lượng đào tạo sinh viên luật, bởi để đào tạo hiệu quả thì chương trình đào tạo phải được tổ chức thực hiện một cách ổn định, thống nhất, chặt chẽ. Nếu đội ngũ giảng viên cơ hữu ít, phụ thuộc nhiều vào đội ngũ giảng viên thỉnh giảng nhưng quy mô tuyển sinh nhiều thì trong một chừng mực nào đó chất lượng đào tạo không cao.

4.2.1.2. Yêu cầu đội ngũ giảng dạy và năng lực thích ứng số

Tại Mục 2.7 Quyết định 678/QĐ-BGDĐT yêu cầu giảng viên phải có hoạt động thực tiễn, tuy nhiên, Điều 17 Luật Luật sư 2012 quy định giảng viên là viên chức không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, nên nhiều giảng viên chưa có hoạt động thực tiễn trong hoạt động tố tụng. Về năng lực thích ứng số, vẫn còn khoảng cách giữa các giảng viên vì khảo sát hiện nay có đến 30-40%

giảng viên còn hạn chế về năng lực số, chưa chủ động ứng dụng công nghệ bài giảng và thiếu chuyên gia giảng dạy các lĩnh vực pháp lý công nghệ mới (LegalTech, AI) (Trần, 2025).

Ngoài ra, Thông tư 54/2026/TT-BGDĐT quy định giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ phải trực tiếp giảng dạy ít nhất 50% tổng khối lượng học tập thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu, trong khi đó Quyết định 678/QĐ-BGDĐT mới chỉ dừng lại ở điều kiện tối thiểu có riêng 01 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy từng nhóm kiến thức bắt buộc thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành chứ chưa định lượng tỷ lệ giờ giảng trực tiếp của tiến sĩ. Thông tư này cũng phân định rõ tỷ lệ tối thiểu định mức khối lượng giảng dạy do giảng viên cơ hữu trực tiếp đảm nhiệm không thấp hơn 75% cho định hướng nghiên cứu và 65% cho định hướng ứng dụng, trong khi Quyết định 678/QĐ-BGDĐT quy định chung một mức tối thiểu là 70%, điều này tạo sự chênh lệch thấp

³ Báo cáo thường niên năm 2025 của các Trường: Báo cáo số 456/BC-ĐHL ngày 27/06/2025 của Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Báo cáo 1273/BC-ĐHL ngày 09/09/2025 của Trường Đại học Luật TP.HCM, Báo cáo số 865/BC-ĐHL ngày 10/06/2025 của Trường Đại học Luật, ĐHQG Hà Nội, Báo cáo 42/BC-HIU ngày 26/06/2025 của Trường Đại học Văn Lang; và nhân sự Trường Đại học Luật Hà Nội tháng 07/2024 <https://tccb.hlu.edu.vn/SubNews/Details/28117>

hơn về ngưỡng chuẩn đối với các trường đào tạo Luật theo định hướng nghiên cứu học thuật.

4.2.2. Chương trình đào tạo và khoảng trống kỹ năng thực hành

Quyết định 678/QĐ-BGDĐT quy định chuẩn chương trình ấn định tối thiểu 120 tín chỉ, trong đó tín chỉ cho phần thực tập từ 7 - 15 tín chỉ. Dù vậy, thực tiễn hiện nay sinh viên luật thiếu hụt các kỹ năng cốt lõi: soạn thảo hợp đồng, tư vấn pháp lý, tranh tụng, hòa giải và nghiên cứu hồ sơ vụ việc. Kỹ năng thực hành ít được thiết kế thành các học phần riêng biệt khiến cử nhân luật khó thích nghi ngay với môi trường hành nghề thực tế và chuyển đổi số khiến nhiều sinh viên tốt nghiệp tuy vững lý thuyết nhưng lại không đáp ứng được kỹ năng thực hành như tư vấn trực tiếp, biện hộ và quản lý hồ sơ vụ việc.

4.2.3. Cơ sở vật chất và môi trường thực hành

Các cơ sở đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ đào tạo như phòng học, thư viện, tài liệu số. Mục 2.8 Mục 2 Quyết định 678/QĐ-BGDĐT yêu cầu các cơ sở đào tạo phải trang bị phòng diễn án và văn phòng thực hành pháp luật hoặc tư vấn pháp luật, tuy nhiên, nhiều cơ sở còn thiếu phòng xử án mô phỏng, trung tâm thực hành pháp luật, cũng như chưa trang bị hạ tầng LMS hiện đại và dữ liệu án lệ số. Mối liên kết giữa nhà trường với Tòa án, Viện kiểm sát, văn phòng luật sư và doanh nghiệp LegalTech còn rời rạc, làm hạn chế cơ hội trải nghiệm thực tế của sinh viên.

4.3. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật

Một là, hoàn thiện quy định pháp luật và áp dụng mô hình đào tạo mới:

- Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định 678/QĐ-BGDĐT để cập nhật những nội dung mới Luật Giáo dục đại học 2025 và Thông tư 54/2026/TT-BGDĐT, trong đó, cần bổ sung yêu cầu bắt buộc chuẩn đầu ra của lĩnh vực pháp luật về năng lực số và nội dung ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); khung điều kiện về đội ngũ giảng viên đào tạo pháp luật cũng cần được sửa đổi định mức khối lượng giảng dạy tối thiểu 50% của giảng viên tiến sĩ để thống nhất với Thông tư 54/2026/TT-BGDĐT.

- Hoàn thiện Luật Luật sư 2006 (được sửa đổi bổ sung 2012) theo hướng bổ sung quy định “cấp Chứng chỉ hành nghề Luật sư cho giảng viên luật có thâm niên giảng dạy từ 10 năm trở lên” nhằm nâng cao năng lực đào tạo về kỹ năng thực hành của sinh viên.

- Nghiên cứu áp dụng thí điểm mô hình Juris Doctor (JD): các cơ sở giáo dục đại học được thí điểm thực hiện việc kết hợp đào tạo sau đại học và đào tạo nghề chuyên sâu, giúp đào tạo toàn diện kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp và bỏ qua các môn đại cương không cần thiết (Đào, 2025).

- Sửa đổi Thông tư 56/2026/TT-BGDĐT theo hướng Bộ GDĐT phân cấp cho các đại học trọng điểm được phê duyệt chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật, quy định này nhằm giảm áp lực cho Bộ GDĐT và rút ngắn thời gian phê duyệt,

bởi vì thời gian qua các đại học đã được trao thẩm quyền trên trong bối cảnh tinh gọn thủ tục hành chính và siết công tác đào tạo ngành luật.

Hai là, cần bổ sung nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo cử nhân luật theo hướng linh hoạt, tích hợp công nghệ số: kéo dài thời gian thực tập và tăng cường học phần thực hành đàm phán, hòa giải trong một khoảng hợp lý; đặc biệt, áp dụng giải pháp giữ nguyên khung chương trình và cập nhật các nội dung số hóa vào đề cương chi tiết; cụ thể hóa, tích hợp công nghệ vào các học phần trụ cột như chủ quyền số, chiến tranh mạng trong Công pháp quốc tế, thẩm quyền tranh chấp trực tuyến, hợp đồng thông minh, tài sản số, thi hành án tài sản số trong Tư pháp quốc tế, thực hành phân tích “Điều khoản dịch vụ” của các tập đoàn công nghệ như hợp đồng mẫu quốc tế trong Tiếng Anh pháp lý (Ngôn & cộng sự, 2025).

Ba là, đối với các cơ sở đào tạo ngành luật:

- Đổi mới toàn diện phương pháp giảng dạy và đánh giá: kết hợp phương pháp hỏi - đáp liên tục, mang tính gợi mở và phản biện (Socratic) và phân tích Án lệ: yêu cầu sinh viên nghiên cứu bản án/án lệ trước ở nhà, giảng viên dùng phương pháp Socratic để gợi mở tranh luận trên lớp thay vì nghe giảng thụ động; đưa việc tham gia diễn án/phiên tòa giả định thành tiêu chuẩn hoặc điều kiện bắt buộc để xét tốt nghiệp; đổi mới đánh giá: giảm thi ghi nhớ, tăng đánh giá qua hồ sơ vụ việc, dự án thực hành và ứng dụng AI hỗ trợ mô phỏng tranh tụng.

- Xây dựng cơ sở vật chất và hạ tầng số hiện đại, gắn với thực tiễn đào tạo luật: đầu tư phòng diễn án, phòng thực hành theo Quyết định 678/QĐ-BGDĐT; xây dựng kho học liệu số, thư viện điện tử, cơ sở dữ liệu án lệ mở và phòng xử án ảo ứng dụng VR/AR phục vụ thực hành xét xử mô phỏng.

- Phát triển đội ngũ giảng viên và hợp tác thực tiễn: Nghị quyết 71-NQ/TW, Nghị định 249/2025/NĐ-CP, Nghị định 176/2026/NĐ-CP là cơ sở để các cơ sở giáo dục đại học cấp phát học bổng, kinh phí nghiên cứu và chi trả thù lao đãi ngộ cho giảng viên trẻ; đãi ngộ giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia giỏi ngoài nhà trường; bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên; thành lập nhóm nghiên cứu liên ngành và tăng cường liên kết với các cơ quan tư pháp, doanh nghiệp LegalTech.

V. Kết luận

Nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật là đòi hỏi cấp thiết nhằm thực hiện Nghị quyết 66-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/TW. Các cơ sở đào tạo cần đổi mới đồng bộ: tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, gia tăng thực hành, phát triển đội ngũ giảng viên và đầu tư hạ tầng số. Việc chủ động tích hợp kiến thức pháp luật số, bắt buộc tham gia phiên tòa giả định và áp dụng mô hình đào tạo tiên tiến sẽ tạo đột phá chất lượng nguồn nhân lực pháp lý trong kỷ nguyên mới.

Tài liệu tham khảo

Đào, M. Đ. (2025). Nâng cao hiệu quả đào tạo cử nhân luật trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (352), 90-93.

- Ngôn, C. H., Lê, L. A., Trần, H. N., Nguyễn, T. T. H., & Vũ, T. T. (2025). Nâng cao chất lượng đào tạo Luật Quốc tế tại Trường Đại học Mở Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số: Từ lý luận đến thực tiễn điều chỉnh chương trình đào tạo, *Tạp chí khoa học Trường ĐH Mở Hà Nội, số đặc biệt 9A (12.2025)*, 247-255.
- Trần, V. L. (2025), Một số vấn đề về đổi mới công tác đào tạo luật tại các cơ sở giáo dục đại học trong kỷ nguyên số ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí khoa học Trường ĐH Mở Hà Nội, số đặc biệt 9A (12.2025)*, 50-58.
- Trường Đại học An Giang. (n.d.). *Thông tin tuyển sinh*. <https://tuyensinh.agu.edu.vn/>
- Trường Đại học Kinh tế - Luật. (2024). *Thông tin tuyển sinh đại học chính quy*. <https://tuyensinh.uel.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy/>
- Trường Đại học Luật - Đại học Huế. (2025). *Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025 của Trường Đại học Luật, Đại học Huế*. https://tuyensinh.hul.edu.vn/News/Detail/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2025-cua-truong-dai-hoc-luat-dai-hoc-hue_20250428182518
- Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. (2025). *Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025*. <https://law.vnu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2025/>
- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. (2025). *Phương thức tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2025 (chính thức)*. <https://ts.hcmulaw.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-phuong-thuc-tuyen-sinh-trinh-do-dai-hoc-hinh-thuc-chinh-quy-nam-2025-chinh-thuc-608.html>
- Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. (n.d.). *Thông tin tuyển sinh đại học chính quy*. <https://tuyensinh.ou.edu.vn/>

ENHANCING THE QUALITY OF BACHELOR OF LAWS TRAINING IN THE CONTEXT OF IMPLEMENTING RESOLUTION 66-NQ/TW, RESOLUTION 71-NQ/TW AND THE 2025 LAW ON HIGHER EDUCATION

Vo Thi Khanh My¹, Thai Thi Tuyet Dung¹, Nguyen Thi Thuy An¹

Abstract: *The ongoing process of institutional reform imposes increasingly stringent demands on legislative and law enforcement activities, thereby highlighting the urgent need to develop a highly specialized legal workforce. However, current realities indicate that undergraduate legal education programs still suffer from significant limitations, particularly in ensuring that learners attain the requisite proficiency in critical reasoning and legal problem-solving skills. Grounded in the strategic orientations of Resolution 66-NQ/TW, Resolution 71-NQ/TW, and the Law on Higher Education 2025, this study evaluates contemporary training practices while reviewing and synthesizing relevant regulatory provisions. Based on these analyses, the authors propose an integrated suite of solutions designed to elevate the quality of undergraduate legal training, ultimately contributing to the realization of strategic human resource development goals for the country's transitional phase.*

Keywords: *legal training, Law on Higher Education 2025, enhancing quality, Resolution No. 66-NQ/TW, Resolution No. 71-NQ/TW*

¹ Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam